TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28/3/2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Hồ Quang Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun – Thư ký TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:

Ông Tống Mạnh Cường – c/v: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2021/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 23/02/2022; Thông báo dời lịch số 04/TB-TA, ngày 10/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lương Thị L, sinh năm 1979 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Lương Ngọc T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 11/10/2021(nộp trực tiếp ngày 20/10/2021) và quá trình tố tụng tại Tòa án bà Lương Thị L trình bày:

Bà Lương Thị L và ông Lương Ngọc T tự nguyện sống chung từ năm 1998, đến năm 2004 bà L và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Việc kết hôn do hai bên tự nguyện không bị ai ép buộc gì. Trước khi kết hôn bà L và ông T tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vả nhau, ngoài ra ông T không chịu khó làm năm mà thường xuyên cờ bạc, mọi tài

sản đem bán để lấy tiền tiêu sài nên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng cuộc sống hôn nhân không đạt được. Bà L và ông T đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, hiện nay ông T đi làm ăn xa, địa chỉ cụ thể thì bà L không biết. Nay, bà L không còn tình cảm với ông T. Vì vậy, bà L làm đơn ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung là Lương Thị H, sinh ngày 09/4/1999 và Lương Trung H, sinh ngày 09/6/2006. Con chung là Lương Thị H, hiện nay cháu H đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung là Lương Trung H thì bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung bà L không yêu cầu giải quyết. Đồng thời bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Bị đơn ông Lương Ngọc T:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T đến giải quyết vụ việc nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, ông T vắng mặt không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Krông Nô phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

+ Về trình tự tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật: Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi trình tự, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đúng thành phần, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định. Về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị L được ly hôn ông Lương Ngọc T. Giao con Lương Trung H, sinh ngày 09/6/2006 cho bà Lương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Sau khi ly hôn bà L, ông T có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểmm a, khoản 5, iều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Lương Thị L phải phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng:**

Nguyên đơn bà Lương Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lương Ngọc T và giải quyết về nuôi con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lương Ngọc T có nơi cư trú tại thôn L, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lương Ngọc T vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Thôn L, xã N và xác minh tại Công An xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông ngày 19/11/2021 thể hiện ông Lương Ngọc T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã N, hiện nay ông T không có mặt tại địa phương vì ông T đi làm công ty tại B và ở địa chỉ cụ thể nào thì không biết. Ngày 14/12/2021 Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 325/2021/QĐ-TA về việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nội dung bà Lương Thị L khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với ông Lương Ngọc T. Trong Quyết định thể hiện thời hạn giải quyết vụ án nhưng ông Lương Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2]. **Về nội dung vụ án:**

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị L và ông Lương Ngọc T chung sống với nhau từ năm 1998, đến ngày 16/7/2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Bà L và ông T kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Do đó, hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp, đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lương Thị L. Xét thấy, sau khi kết hôn vợ chồng bà và ông T sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do ông T không chịu khó làm ăn, thường xuyên cờ bạc nên tài sản trong nhà bán lấy tiền để tiêu sài nên vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vả. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, trách nhiệm từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Bà L không còn tình cảm với ông T, vợ chồng đã

sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay và hiện nay ông T đi làm ăn xa không về. Vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẽ với nhau những công việc gia đình và cùng nhau nuôi con chung trưởng thành. Hiện nay quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại biên bản xác minh ngày 19/11/2021 Ban tự quản thôn L, xã N, huyện Krông Nô nơi bà L, ông T sinh sống thì chính quyền cho biết ông T đã đi làm công ty ở B từ lâu nhưng chính quyền không nắm được vợ chồng bà L, ông T có mâu thuẫn hay không.

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của bà L và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và những căn cứ trên để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lương Thị L.

[2.2]. Về yêu cầu nuôi con chung: Bà Lương Thị L và ông Lương Ngọc T có 02 con chung là Lương Thị H, sinh ngày 09/4/1999 và Lương Trung H, sinh ngày 09/6/2006. Bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là Lương Trung H và không yêu cầu ông T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của bà L được nuôi cháu Lương Trung H nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T nhiều lần nhưng ông T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình. Do bà L và ông T không thỏa thuận được vấn đề nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Theo quy định tại: Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì "*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...*" cháu Lương Trung H, sinh ngày 09/6/2006 thuộc trường hợp từ đủ 07 tuổi trở lên nên Tòa án đã xem xét nguyện vọng của cháu, tiến hành lấy lời khai thì cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ là bà Lương Thị L, thực tế hiện nay cháu H đang sống cùng bà L từ lúc bà L và ông T không còn sống chung. Bà L nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Mặt khác bà L cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao cháu H cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với con chung là Lương Thị H, sinh ngày 09/4/1999 đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: bà Lương Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà Lương Thị L phải nộp 5.025.000 đồng.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Lương Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị L.

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị L được ly hôn ông Lương Ngọc T.

* Về nuôi con chung: Giao con Lương Trung H, sinh ngày 09/6/2006 cho bà Lương Thị L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lương Thị L không yêu cầu nên không giải quyết.

Đối với con chung là Lương Thị H, sinh ngày 09/4/1999 đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn bà L, ông T có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lương Thị L và ông Lương Ngọc T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

* Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà Lương Thị L phải nộp 5.025.000 đồng được khấu trừ 5.025.000 đồng bà L đã nộp.

* Về án phí: Buộc bà Lương Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003050, ngày 20 tháng 10 năm 2021.

* Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đựơc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND H. Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. K;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)
Võ Thị Nhi